

Số: 33 /2011/NQ-HĐND

Đà Lạt, ngày 02 tháng 12 năm 2011

NGHỊ QUYẾT

Bổ sung số lượng, chế độ đối với Phó trưởng công an xã tại các xã trọng điểm và công an viên; bổ sung, sửa đổi một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và điều chỉnh kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
KHÓA VIII KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh công an xã ngày 21/11/2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định 73/2009/NĐ-CP ngày 7/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Pháp lệnh Công an xã.

Căn cứ Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về việc quy định chức danh, số lượng, một số chế độ đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-BTC ngày 8/4/2010 của Bộ Công an hướng dẫn Pháp lệnh công an xã và Nghị định 73/2009/NĐ-CP ngày 7/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Pháp lệnh Công an xã.

Sau khi xem xét tờ trình số: 6739/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh Lâm Đồng V/v Bổ sung số lượng, chế độ đối với Phó trưởng công an xã tại các xã trọng điểm và công an viên; bổ sung, sửa đổi một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và điều chỉnh kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố; Tờ trình số: 6739/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh Lâm Đồng V/v: điều chỉnh Tờ trình số 6739/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh Lâm Đồng; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND Tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung số lượng, chế độ đối với Phó trưởng công an xã tại các xã trọng điểm, Công an viên thường trực tại xã và công an viên tại thôn, cụ thể:

1. Về số lượng:

- Bổ trí thêm 01 chức danh Phó trưởng Công an xã tại 21 xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự của tỉnh theo Quyết định số 4754/QĐ-CCA-V28 ngày 4/11/2011 của Bộ Công an (*danh sách cụ thể theo phụ lục 01 kèm theo*).

- Bổ sung 03 định suất để bố trí chức danh Công an viên thường trực tại xã (không bao gồm phường, thị trấn) để làm nhiệm vụ thường trực 24/24 giờ tại trụ sở hoặc nơi làm việc của Công an xã.

- Bổ sung 02 định suất để bố trí chức danh Công an viên cho 193 thôn thuộc xã trọng điểm của tỉnh (*danh sách cụ thể theo phụ lục số 02 kèm theo*) và 290 thôn thuộc xã loại 1, xã loại 2 của tỉnh (*danh sách cụ thể theo phụ lục số 03 kèm theo*).

- Bổ sung 01 định suất để bố trí chức danh Công an viên cho các thôn còn lại trên địa bàn tỉnh.

2. Chế độ:

- Phó trưởng Công an tại các xã trọng điểm và Công an viên làm nhiệm vụ thường trực 24/24 giờ tại xã được hưởng phụ cấp mỗi tháng bằng 1 lần lương tối thiểu.

- Công an viên ở thôn được hưởng phụ cấp mỗi tháng bằng 0,5 lần lương tối thiểu. Ngoài ra, khi phát sinh nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn xã hội, trong trường hợp có huy động thêm Công an viên ở thôn, ngoài mức phụ cấp hàng tháng, còn được hưởng thêm chế độ tương đương như lực lượng dân quân tự vệ (*theo chế độ ngày công lao động, trường hợp ở ngoài địa bàn xã thì được hỗ trợ thêm tiền ăn khi làm nhiệm vụ xa nơi cư trú*).

Điều 2. Bổ sung và sửa đổi một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ kinh phí hoạt động cho thôn, tổ dân phố như sau:

1. Chính sách thu hút đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã: Người có bằng từ trung cấp trở lên (không phải là cán bộ hưu trí) nếu hoàn thành nhiệm vụ ngoài mức phụ cấp hiện hưởng, sau 3 năm công tác được thêm khoản phụ cấp thâm niên bằng 10% mức phụ cấp hiện hưởng, từ năm thứ 4 trở đi, cứ 01 năm công tác được cộng thêm 1%.

2. Mức phụ cấp cho 03 chức danh hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố gồm: Bí thư chi bộ; Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố là 0,7 mức lương tối thiểu/tháng.

3. Mức hỗ trợ kinh phí hoạt động cho thôn, tổ dân phố: 4.000.000 đồng/thôn, tổ dân phố/năm.

4. Thực hiện cơ chế khoán định suất đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố góp phần tinh giản biên chế và tăng thu nhập của những người hoạt động không chuyên trách.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2012.

Nghị quyết này sửa đổi Điểm 2 và điểm 3 Phần II - Điều 1 Nghị quyết 134/2009/NQ-HĐND ngày 10/12/2009 của HĐND tỉnh; sửa đổi tiết 13.3 - mục 13 - Phần thứ III (Phân bổ chi thường xuyên khác đối với cán bộ không chuyên trách thôn, khu phố hoặc tổ dân phố) theo Đề án định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2011 tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Nghị quyết 156/2010/NQ-HĐND ngày 08/12/2010 của HĐND.

Các quy định trước đây trái với Nghị quyết này đều hết hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Khóa VIII - kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 02 tháng 12 năm 2011./- *Hqj*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ, VPQH, VPCTN;
- Website CP;
- Bộ Tài chính; Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản -- Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐN tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh khóa VIII;
- Các Sở: Tài chính, Nội vụ, Tư pháp;
- KBNN tỉnh;
- HU, HĐND, UBND, UBMTTQ các H, TP;
- Đài PTTH, Báo Lâm Đồng;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu VP-HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Huỳnh Đức Hòa

Huỳnh Đức Hòa



DANH SÁCH CÁC XÃ TRỌNG ĐIỂM
ĐƯỢC BỎ TRÍ 02 PHÓ TRƯỞNG CÔNG AN XÃ
Nghị quyết số 33 /2011/NQ-HĐND ngày 02 tháng 11 năm 2011 của HĐND tỉnh)

STT	Đơn vị	Danh sách xã được bỏ trí 02 Phó trưởng công an xã
1	Huyện Đức Trọng	Xã Hiệp An, Phú Hội, Ninh Gia, Đa Quyn
2	Huyện Lâm Hà	Xã Tân Hà, Phú Sơn, Mê Linh, Hoài Đức
3	Huyện Di Linh	Xã Đinh Lạc, Gia Hiệp, Đinh Trang Hòa, Tân Thượng
4	Huyện Bảo Lâm	Xã Lộc Tân, Lộc Bảo
5	Thành phố Bảo Lộc	Xã Đại Lào, Dạm Bri
6	Huyện Đà Huoi	Xã Đa Ploa
7	Huyện Cát Tiên	Xã Đông Nai Thượng, Phước Cát 2
8	Huyện Đam Rông	Xã Phi Liêng, Đa K'Nàng
TỔNG SỐ		21 Xã



DANH SÁCH CÁC XÃ TRỌNG ĐIỂM
ĐƯỢC BỎ TRÍ 02 PHÓ TRƯỞNG CÔNG AN XÃ
Nghị quyết số 33 /2011/NQ-HĐND ngày 02 tháng 11 năm 2011 của HĐND tỉnh)

STT	Đơn vị	Danh sách xã được bỏ trí 02 Phó trưởng công an xã
1	Huyện Đức Trọng	Xã Hiệp An, Phú Hội, Ninh Gia, Đa Quyn
2	Huyện Lâm Hà	Xã Tân Hà, Phú Sơn, Mê Linh, Hoài Đức
3	Huyện Di Linh	Xã Đinh Lạc, Gia Hiệp, Đinh Trang Hòa, Tân Thượng
4	Huyện Bảo Lâm	Xã Lộc Tân, Lộc Bảo
5	Thành phố Bảo Lộc	Xã Đại Lào, Dạm Bri
6	Huyện Đà Huoi	Xã Đa Ploa
7	Huyện Cát Tiên	Xã Đông Nai Thượng, Phước Cát 2
8	Huyện Đam Rông	Xã Phi Liêng, Đa K'Nàng
TỔNG SỐ		21 Xã



PHỤ LỤC SỐ 12
SÁCH 193 THÔN THUỘC XÃ TRỌNG ĐIỂM
HÀM ĐỒNG BỐ TRÍ 02 BIÊN CHẾ CÔNG AN VIÊN
Quyết số: 33 /2011/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2011
của HĐND tỉnh).

STT	Đơn vị	Thôn
Thành phố Bảo Lộc		25 thôn/ 02 xã
01	Xã Đại Lào: 11 thôn	Thôn 1; Thôn 2; Thôn 3; Thôn 4; Thôn 5; Thôn 6; Thôn 7; Thôn 8; Thôn 9; Thôn 10; Thôn 11.
02	Xã Dạm Bri: 14 thôn	Thôn 1; Thôn 2; Thôn 3; Thôn 4; Thôn 5; Thôn 6; Thôn 7; Thôn 8; Thôn 9; Thôn 10; Thôn 11; Thôn 12; Thôn 13; Thôn 14.
Huyện Đức Trọng		35 thôn/ 04 xã
03	Xã Hiệp An: 06 thôn	Thôn Định An; Thôn Tân an; Thôn Trung Hiệp; Thôn K'Rèn; Thôn K' Long; Thôn Đara Hoa.
04	Xã Phú Hội: 13 thôn	Thôn Phú Lộc; Thôn Phú Thịnh; Thôn Phú Trung; Thôn Phú Hòa; Thôn Phú Tân; Thôn Pré; Thôn Lạc Lâm; Thôn Lạc Nghiệp; Thôn K' Nai; Thôn Chi Rông; Thôn R' Chai 1; Thôn R' Chai 2; Thôn Phú An.
05	Xã Ninh Gia: 09 thôn	Thôn Đại Ninh; Thôn Ninh Hòa; Thôn Đăng S rôn; Thôn Tân Phú; Thôn Kinh tế mới; Thôn Thiện Chí; Thôn Hiệp Thuận; Thôn Hiệp Hòa; Thôn Ninh Thiện.
06	Xã Dạ Quyn: 07 thôn	Thôn Ma Pó; Thôn Ma Kir; Thôn K 67; Thôn Toa Cát; Thôn Chợ Rung; Thôn Chợ Ré; Thôn Tân Hạ.
Huyện Lâm Hà		44 thôn/ 04 xã
07	Xã Tân Hà 11 thôn	Thôn Liên Trung; Thôn Tân Trung; Thôn Thạch Thất I; Thôn Thạch Thất II; Thôn Phúc Thọ I; Thôn Phúc Thọ II; Thôn Phúc Tân; Thôn Phúc Hưng; Thôn Thạch Tân; Thôn Tân Đức; Thôn Đan Phượng I.
08	Xã Phú Sơn 11 thôn	Thôn Lạc Sơn; Thôn Bằng Tiên I; Thôn Bằng Tiên II; Thôn Ngọc Sơn; Thôn Ngọc Sơn I; Thôn Ngọc Sơn II; Thôn Ngọc Sơn III; Thôn P R Teng I; Thôn P R Teng II; Thôn Quyết Thắng; Thôn 1/5.
09	Xã Mê Linh 09 thôn	Thôn 1; Thôn 2; Thôn 3; Thôn 8; Thôn 9; Thôn Thực Nghiệm; Thôn Buôn Chuối; Thôn Hang Hớt; Thôn Công Trời.
10	Xã Hoài Đức 13 thôn	Thôn Mỹ Hà; Thôn Đức Thành; Thôn Khánh Vân; Thôn Minh Thánh; Thôn Phú Dương; Thôn Đức Long; Thôn Đức Hải; Thôn Hải Hà; Thôn Tân Quế; Thôn Quế Lâm; Thôn Dương Minh; Thôn Đức Bình; Thôn Nam Hưng.

Huyện Di Linh		48 thôn/ 04 xã
11	Xã Đinh Lạc 11 thôn	Thôn Đồng Lạc 1; Thôn Đồng Lạc 2; Thôn Đồng Lạc 3; Thôn Đồng Lạc 4; Thôn Tân Phú 1; Thôn Tân Phú 2; Thôn Tân Lạc 1; Thôn Tân Lạc 2; Thôn Tân Lạc 3; Thôn Duệ; Thôn Ka Quynh.
12	Xã Gia Hiệp 11 thôn	Thôn 1; Thôn 2; Thôn 3; Thôn Phú Hiệp 1; Thôn Phú Hiệp 2; Thôn Phú Hiệp 3; Thôn 7; Thôn 8; Thôn 5A; Thôn 5B; Thôn Gia Lành.
13	Xã Đinh Trang Hòa: 21 thôn	Thôn 1; Thôn 2; Thôn 3; Thôn 4; Thôn 5A; Thôn 6; Thôn 7; Thôn 8A; Thôn 9; Thôn 10; Thôn 11; Thôn 12; Thôn 13; Thôn 14; Thôn 15; Thôn 5B; Thôn 8B; Thôn Bắc Trang; Thôn Nam Trang; Thôn Đông Trang; Thôn Tây Trang.
14	Xã Tân Thượng: 5 thôn	Thôn 1; Thôn 2; Thôn 3; Thôn 4; Thôn 11.
Huyện Bảo Lâm		10 thôn/ 02 xã
15	Xã Lộc Tân 7 thôn	Thôn 1; Thôn 2; Thôn 3; Thôn 4; Thôn 5; Thôn 6; Thôn 7.
16	Xã Lộc Bảo 3 thôn	Thôn 1; Thôn 2; Thôn 3.
Huyện Đạ Huoai		5 thôn/ 01 xã
17	Xã Đạ Ploa 5 thôn	Thôn 1; Thôn 2; Thôn 3; Thôn 4; Thôn 5.
Huyện Cát Tiên		12 thôn/ 02 xã
18	Xã Đông Nai Thượng: 5 thôn	Thôn Đạ Cộ; Thôn Bù Sa; Thôn Bi Nao; Thôn Bê Đê; Thôn Bù Gia Rá.
19	Xã Phước Cát 2: 7 thôn	Thôn Phước Trung; Thôn Phước Hải; Thôn Phước Sơn; Thôn Phước Thái; Thôn Vĩnh Ninh; Thôn 3; Thôn 4.
Huyện Đam Rông		14 thôn/ 02 xã
20	Xã Phi Liên 7 thôn	Thôn Trung Tâm; Thôn Thanh Bình; Thôn Păng Sim; Thôn Boop Le; Thôn Boop La; Thôn Liêng Đơng; Thôn Đồng Tâm.
21	Xã Đạ K'Nàng 7 thôn	Thôn Păng Dung; Thôn Băng Bá; Thôn Đạ K'Nàng; Thôn Đạ Mul; Thôn Pul; Thôn Trung Tâm; Thôn Lăng Tô.
Tổng cộng: 193 thôn		



PHỤ LỤC SỐ 03
290 THÔN THUỘC XÃ LOẠI 1, LOẠI 2 CỦA TỈNH LÂM HÀ
ĐƯỢC BỔ TRÍ 02 CÔNG AN VIÊN

Xem theo Nghị quyết số: 33 /2011/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2011 của HĐND tỉnh).

STT	Đơn vị/ số thôn	Tên thôn
Huyện Lâm Hà		44 thôn / 9 xã
1	<i>Xã Đạ Đờn</i> 10 thôn	Thôn Đam Pao; Thôn Đà Nung A; Thôn R'Lom; Thôn R'Hang Trủ; Thôn An Phước; Thôn Đà Nung B; Thôn Đà Ty; Thôn Tân Lâm; Thôn Yên Thành; Thôn Tân Tiến.
2	<i>Xã Phi Tô:</i> 1 thôn	Thôn RTông Tô
3	<i>Xã Tân Văn</i> 06 thôn	Thôn Tân Hiệp; Thôn Tân Lin; Thôn Tân Đức; Thôn Văn Minh; Thôn Tân Lập; Thôn Tân Tiến.
4	<i>Xã Liên Hà</i> 08 thôn	Thôn Hà Lâm; Thôn Sinh Công; Thôn Liên Hà 1; Thôn Liên Hà 2; Thôn Thạch Hà; Thôn Liên Hồ; Thôn Chiến Thắng; Thôn Đạ Dâng.
5	<i>Xã Phúc Thọ</i> 03 thôn	Thôn Phúc Lộc; Thôn Phúc Tân; Thôn Lâm Bô.
6	<i>Xã Tân Thanh</i> 06 thôn	Thôn 1; Thôn Hòa Bình; Thôn Con Pang; Thôn 8; Thôn 9; Thôn 10.
7	<i>Xã Đan Phượng</i> 05 thôn	Thôn Phương Lâm; Thôn Đan Hà; Thôn Đoàn Kết; Thôn Thống Nhất; Thôn Tân Lập.
8	<i>Xã Đông Thanh</i> 03 thôn	Thôn Thanh Trì; Thôn Trung Hà; Thôn Tầm Xá.
9	<i>Xã Gia Lâm</i> 02 thôn	Thôn 3; Thôn 4.
Huyện Đam Rông		08 thôn / 02 xã
1	<i>Xã Đạ Rsal</i> 06 thôn	Thôn Phi Jút; Thôn Đắc Măng; Thôn Liên Hương; Thôn Phi Có; Thôn Tân Tiến; Thôn Pang Pê Dong.
2	<i>Xã Rô Men</i> 02 thôn	Thôn Dong Chong; Thôn Đa Tế.

Thành phố Đà Lạt		16 thôn / 04 xã
1	<i>Xã Xuân Thọ</i> 05 thôn	Thôn Đa Thọ; Thôn Đa Lộc; Thôn Xuân Thành; Thôn Túy Sơn; Thôn Lộc Quý.
2	<i>Xã Xuân Trường</i> 05 thôn	Thôn Trường Xuân 1; Thôn Trường Xuân 2; Thôn Cầu Đất; Thôn Xuân Sơn; Thôn Trường An.
3	<i>Xã Trạm Hành</i> 04 thôn	Thôn Trạm Hành 1; Thôn Trạm Hành 2; Thôn Phát Chi; Thôn Trường Thọ.
4	<i>Xã Tà Nung</i> 02 thôn	Thôn 1; Thôn 2.
Huyện Đạ Huoai		6 thôn / 03 xã
1	<i>Xã Hà Lâm</i> 03 thôn	Thôn 1; Thôn 3; Thôn 4.
2	<i>Xã Madagui</i> 01 thôn	Thôn 1
3	<i>Xã Đạ Oai</i> 02 thôn	Thôn 1; Thôn 3.
Huyện Đạ Tẻh		03 thôn / 02 xã
1	<i>Xã Quốc Oai</i> 02 thôn	Thôn 3; Thôn 7.
2	<i>Xã Đạ Kho</i> 01 thôn	Thôn 1
Huyện Cát Tiên		06 thôn / 02 xã
1	<i>Xã Gia Viễn</i> 02 thôn	Thôn Tiên Thắng; Thôn Trần Phú.
2	<i>Xã Phước Cát I</i> 04 thôn	Thôn Cát Lâm 1; Thôn Cát Lâm 2; Thôn Cát Lâm 3; Thôn Cát Điền.
Huyện Di Linh		46 thôn / 09 xã
1	<i>Xã Tân Châu</i> 07 thôn	Thôn 1; Thôn 4; Thôn 5; Thôn 6; Thôn 7; Thôn 8; Thôn 9.
2	<i>Xã Tân Nghĩa</i> 07 thôn	Thôn Đồng Đò; Thôn Đồng Lạc; Thôn Tân Nghĩa; Thôn Lộc Châu 1; Thôn Lộc Châu 2; Thôn Lộc Châu 3; Thôn Gia Bắc 2.

3	<i>Xã Tam Bồ</i> 03 thôn	Thôn Hiệp Thành 1; Thôn Hiệp Thành 2; Thôn Hiệp Thành 4.
4	<i>Xã Liên Đầm</i> 06 thôn	Thôn 3; Thôn 4; Thôn 5; Thôn 7; Thôn 8; Thôn 9.
5	<i>Xã Gung Ré</i> 06 thôn	Thôn K Minh; Thôn Di Linh Thượng 1; Thôn Di Linh Thượng 2; Thôn Hàng Hải; Thôn Đàng Rách; Thôn Hàng Làng.
6	<i>Xã Hòa Ninh</i> 06 thôn	Thôn 1; Thôn 2; Thôn 4; Thôn 9; Thôn 14; Thôn 16.
7	<i>Xã Hòa Bắc</i> 03 thôn	Thôn 7; Thôn 11; Thôn 13.
8	<i>Xã Hòa Nam</i> 05 thôn	Thôn 3; Thôn 4; Thôn 11; Thôn 12; Thôn 13.
9	<i>Xã Tân Lâm</i> 02 thôn	Thôn 6; Thôn 9.
Huyện Đơn Dương		40 thôn / 08 xã
1	<i>Xã Đạ Ròn</i> 05 thôn	Thôn 2; Thôn STA 1; Thôn STA 2; Thôn STB 1; Thôn STB 2.
2	<i>Xã Lạc Lâm</i> 05 thôn	Thôn Quỳnh Châu Đông; Thôn Xuân Thượng; Thôn Yên Khê hạ; Thôn Lạc Lâm Làng; Thôn Hải Dương.
3	<i>Xã Lạc Xuân</i> 07 thôn	Thôn Lạc Bình; Thôn Labouye B; Thôn Diom A; Thôn Kinh tế mới Châu Sơn; Thôn Châu Sơn; Thôn Lạc Xuân 2; Thôn Lạc Viên B.
4	<i>Xã Ka Đô</i> 04 thôn	Thôn Nam Hiệp 1; Thôn Nam Hiệp 2; Thôn Nghĩa Hiệp 1; Thôn Nghĩa Hiệp 2.
5	<i>Xã Pró</i> 04 thôn	Thôn Krăng Gọ; Thôn Pró, Trong; Thôn Pró Ngó; Thôn Pró kinh tế.
6	<i>Xã Quảng Lập</i> 04 thôn	Thôn Quảng Lợi; Thôn Quảng Hòa; Thôn Quảng Hiệp; Thôn Quảng Thuận.
7	<i>Xã Tu Tra</i> 08 thôn	Thôn Kinh tế mới; Thôn Lạc Thạnh; Thôn Suối Thông C 1; Thôn Suối Thông C 2; Thôn Kamboutte; Thôn R'Lom; Thôn Đa Hoa; Thôn K'Lók.

8	<i>Xã Ka Đơn</i> 03 thôn	Thôn Krăng Gọ 2; Thôn Lạc Nghĩa; Thôn Ka Đơn.
Huyện Bảo Lâm		50 thôn / 09 xã
1	<i>Xã Lộc Quảng</i> 02 thôn	Thôn 4; Thôn 5.
2	<i>Xã Lộc Ngãi</i> 07 thôn	Thôn 1; Thôn 2; Thôn 4; Thôn 5; Thôn 8; Thôn 9; Thôn 10; Thôn 13.
3	<i>Xã Lộc Đức</i> 08 thôn	Thôn Đức Giang 1; Thôn Đức Giang 2; Thôn Khánh Thượng; Thôn Đông La; Thôn Đông La 2; Thôn Thanh Bình; Thôn Đức Thanh; Thôn Tiên Yên.
4	<i>Xã Lộc Bắc</i> 01 thôn	Thôn 4
5	<i>Xã Lộc An</i> 14 thôn	Thôn 1; Thôn 2; Thôn 3; Thôn 4; Thôn 5; Thôn 6; Thôn 7; Thôn 8; Thôn 9; Thôn 11; Thôn Tứ Quý; Thôn An Bình; Thôn An Hòa; Thôn B' Đơ.
6	<i>Xã Lộc Thành</i> 08 thôn	Thôn 4; Thôn 8 A; Thôn 8 B; Thôn 9; Thôn 11; Thôn 12; Thôn 15; Thôn 16.
7	<i>Xã Lộc Nam</i> 08 thôn	Thôn 1; Thôn 2; Thôn 3; Thôn 4; Thôn 5; Thôn 8; Thôn 9; Thôn 10.
8	<i>Xã B' Lá: 01 thôn</i>	Thôn 1
9	<i>Xã Tân Lạc</i> 01 thôn	Thôn 3
Huyện Đức Trọng		43 thôn / 09 xã
1	<i>Xã Hiệp Thạnh</i> 05 thôn	Thôn Quảng Hiệp; Thôn Bắc Hội; Thôn Phi Nôm; Thôn Phú Thạnh; Thôn Bồng Lai.
2	<i>Xã Liên Hiệp</i> 07 thôn	Thôn An Hiệp; Thôn An Ninh; Thôn An Bình; Thôn Nghĩa Hiệp; Thôn An Tĩnh; Thôn Tân Hiệp; Thôn Gan Reo.
3	<i>Xã Tân Hội</i> 08 thôn	Thôn Tân Đà; Thôn Tân Trung; Thôn Tân Lập; Thôn Tân Hiệp; Thôn Tân Thuận; Thôn Ba Cản; Thôn Tân An; Thôn Tân Phú.
4	<i>Xã Tân Thành</i> 05 thôn	Thôn Tân Bình; Thôn Tân Hưng; Thôn Tân Hòa; Thôn Tân Nghĩa; Thôn Tân Thịnh.

5	<i>Xã N'Thôn Hạ</i> 05 thôn	Thôn Bia Ray; Thôn Đoàn Kết; Thôn Lạch Tông; Thôn Bon Rôm; Thôn Srê Đăng.
6	<i>Xã Bình Thạnh</i> 04 thôn	Thôn Kim Phát; Thôn Thanh Bình 1; Thôn Thanh Bình 2; Thôn Thanh Bình 3.
7	<i>Xã Đà Loan</i> 05 thôn	Thôn Đà An; Thôn Đà Thọ; Thôn Đà R Giêng; Thôn Đà Lâm; Thôn Đà Thuận.
8	<i>Xã Tà Năng</i> 02 thôn	Thôn Touneh; Thôn Ma R Sa.
9	<i>Xã Tà Hine</i> 02 thôn	Thôn Tà Hine; Thôn B'Lieng.
Thành phố Bảo Lộc		27 thôn / 03 xã
1	<i>Xã Lộc Nga</i> 05 thôn	Thôn Kim Thanh; Thôn Tân Hóa; Thôn Đại Nga; Thôn Nga Sơn; Thôn NauSri.
2	<i>Xã Lộc Thanh</i> 07 thôn	Thôn Tân Hương 1; Thôn Tân Hương 2; Thôn Thanh Hương 1; Thôn Thanh Hương 2; Thôn Thanh Hương 3; Thôn Thanh Xuân 1; Thôn Thanh Xuân 2.
3	<i>Xã Lộc Châu</i> 15 thôn	Thôn Tân An; Thôn Tân Ninh; Thôn Tân Bình; Thôn Tân Vượng; Thôn Tân Thịnh; Thôn Tân Châu; Thôn Tân Lập; Thôn Ánh Mai 1; Thôn Ánh Mai 2; Thôn Ánh Mai 3; Thôn 1; Thôn 2; Thôn 3; Thôn 4; Thôn Đa Nghịch.
Huyện Lạc Dương		01 thôn / 01 xã
1	<i>Xã Lát: 01 thôn</i>	Thôn Đan Kia
TỔNG CỘNG		290 thôn / 61 xã